

## **HIRCHSPRUNG**

1. Bệnh Hirschsprung là bệnh lí đặc trưng bởi sự vô hạch bẩm sinh của
  - A. Đám rối cơ ruột ở đoạn cuối đại - trực tràng và lan rộng lên phía trên theo nhiều mức độ
  - B. Đám rối TK cơ ruột ở đoạn cuối hồng tràng và lan rộng xuống phía dưới theo nhiều mức độ
  - C. Đám rối cơ ruột ở đoạn cuối ống tiêu hoá và lan rộng lên phía trên theo nhiều mức độ
  - D. Đám rối TK cơ ruột ở đoạn cuối ống tiêu hoá và lan rộng lên phía trên theo nhiều mức độ
2. Bệnh cảnh lâm sàng của Hirschsprung là:
  - A. Chướng bụng
  - B. Bán tắc ruột
  - C. Tắc ruột
  - D. Tất cả đều sai
3. Điều nào sau đây là đúng khi nói về Hirschsprung:
  - A. Tỷ lệ trẻ mắc bệnh là 1/500000
  - B. Trong mọi trường hợp đều ưu thế ở nam với tỷ lệ  $\frac{1}{4}$
  - C. Dị dạng phối hợp thường gặp nhất là HC Down
  - D. Tất cả đều sai
4. Nguồn gốc của các tế bào hạch TK cơ ở ruột xuất phát từ:
  - A. Nguyên bào TK
  - B. Mào TK
  - C. Tế bào hạch TK nguyên thủy
  - D. Hạch bì – cơ
5. Điều nào sau đây là sai khi nói về quá trình hình thành đám rối TK cơ ruột
  - A. Nguyên bào TK xuất hiện đầu tiên ở vùng hầu họng từ tuần thứ 5 thai kỳ
  - B. Nguyên bào TK sẽ di chuyển theo chiều từ trên xuống dưới theo ống tiêu hoá từ tuần thứ 5 - tuần 12
  - C. Nơi định vị đầu tiên của nguyên bào thần kinh là ở dưới niêm mạc, bên trong lớp cơ dọc
  - D. A, C
6. Sự vô hạch trong bệnh Hirschsprung là do:
  - A. Các tế bào mào TK không di chuyển vào ống tiêu hoá
  - B. Các nguyên bào TK không di chuyển từ lớp dưới niêm ra giữa 2 lớp cơ
  - C. Sự ngưng trệ trong quá trình di chuyển các nguyên bào TK
  - D. B, C đúng
7. Sự ngưng trệ di chuyển các nguyên bào thần kinh từ tuần thứ 12 - tuần 16 thai kỳ sẽ gây:
  - A. Không gây bệnh
  - B. Bệnh Hirschsprung
  - C. Không có đám rối Auerbach
  - D. Không có đám rối Meissner
8. Đặc điểm “co thắt liên tục và không có khả năng dẫn truyền sóng nhu động” là nói về:
  - A. Đoạn ruột lành trên đoạn ruột tổn thương
  - B. Đoạn chuyển tiếp.
  - C. Đoạn ruột tổn thương
  - D. B, C đúng
9. Đặc điểm “thành ruột dày, xoá mất các dải cơ dọc, niêm mạc phù nề” là nói về:
  - A. Đoạn ruột lành trên đoạn ruột tổn thương
  - B. Đoạn chuyển tiếp.

C. Đoạn ruột tổn thương

D. B, C đúng

10. Điều nào sau đây là đúng về sinh lý bệnh bệnh Hirschsprung:

A. Hoạt động cơ ruột được điều hòa bởi hệ thống các sợi kích thích tiết adrenalin và ức chế tiết acetylcholin

B. Do không có hệ thống TK cơ ruột chức năng, đoạn ruột bệnh lý luôn trong trạng thái dẫn và mất nhu động

C. Đoạn ruột lành ngay trên đoạn tổn thương do bị ứ đọng phân nên tăng co bóp, hậu quả lâu dài sẽ gây dẫn và thành ruột dày dần lên.

D. Tất cả đều đúng

11. Có bao nhiêu cách chia thể lâm sàng trong bệnh Hirschsprung:

A. 1: theo chiều dài đoạn vô hạch

B. 2: theo chiều dài đoạn vô hạch và độ dày của thành ruột đoạn lành

C. 2: theo chiều dài đoạn vô hạch và theo sự chênh lệch khẩu kính giữa đoạn lành và đoạn tổn thương

D. 1: theo sự chênh lệch khẩu kính giữa đoạn lành và đoạn tổn thương

12. Thể lâm sàng đoạn vô hạch dài, chọn câu SAI:

A. Yếu tố gợi ý: dấu tháo cống không rõ, Xquang vùng chuyển tiếp ở đại tràng trái hay đại tràng ngang

B. Dễ chẩn đoán lầm với HC nút phân su

C. Chẩn đoán khi giới hạn đoạn vô hạch vượt quá đại tràng góc lách

D. Ứ đọng cản quang ở phim chụp sau 24h cũng là 1 yếu tố gợi ý

13. Thể thường gặp của Hirschsprung là thương tổn ở:

A. Đại tràng ngang

B. Đại tràng xuống và đại tràng sigma

C. Đại tràng sigma và trực tràng

D. Trực tràng và ống hậu môn

14. Điều nào sau đây là SAI khi mô tả về hình dáng đại thể ống tiêu hóa trong bệnh Hirschsprung

A. Đoạn vô hạch kích thước nhỏ hơn bình thường, không nhu động

B. Đoạn chuyển tiếp hình phễu

C. Đoạn ruột lành thành dày, dải cơ dọc bị xóa, khẩu kính tùy mức độ tắc nghẽn, mạch máu dẫn, niêm phủ nề, loét

D. Đoạn ruột dưới đoạn vô hạch xẹp, không có hơi

15. Điều nào sau đây là đúng về hình ảnh vi thể của đoạn ruột tổn thương trong bệnh Hirschsprung:

A. Sự vắng mặt của tế bào hạch thần kinh ở dưới niêm mạc

B. Sự vắng mặt của tế bào hạch thần kinh ở giữa 2 lớp cơ

C. Sự có mặt của than thần kinh phì đại có myelin

D. A, B đúng

E. A, B, C đúng

16. Triệu chứng lâm sàng cơ năng ở trẻ sơ sinh và nhũ nhi theo thứ tự thời gian là:

A. Trướng bụng => chậm tiêu phân su => nôn => tiêu chảy

B. Chậm tiêu phân su => trướng bụng => nôn => tiêu chảy

C. Chậm tiêu phân su => trướng bụng => nôn

D. Trướng bụng => chậm tiêu phân su => nôn

17. Khi có hạ thân nhiệt, ta phải nghĩ đến:

A. Viêm ruột

B. Nhiễm trùng đường tiêu hóa (-)

C. Nhiễm trùng huyết Gr (-)

D. Thủng ruột, viêm phúc mạc

18. Triệu chứng nào sau đây có thể gặp ở trẻ Hirschsprung, chọn câu SAI:

A. Xanh xao, bứt rứt, ngủ lịm

B. Thở chậm, sâu do toan chuyển hóa

C. Mạch nhanh có thể do giảm thể tích hoặc nhiễm trùng

D. Trường hợp không rõ ràng: bán tắc hay táo bón lặp đi lặp lại

19. Điều nào sau đây là SAI khi khám BN Hirschsprung

A. Khám bụng thường thấy căng chướng, tăng cường độ và tần số nhu động ruột

B. Sợ biến chứng thủng hay nhiễm trùng khi không khám thấy nhu động ruột

C. Thăm trực tràng có thể không tiến hành nếu bé quá nhỏ

D. Dấu hiệu tháo cống là dấu hiệu có giá trị

20. BN nam, 13 tháng tuổi, có tình trạng khó đi cầu từ sau sanh và táo bón dai dẳng, phải dùng tọạ được, thuốc nhuận tràng hay thụt tháo thì mới đi tiêu được, khám thấy tình trạng dinh dưỡng không tốt, bụng trướng, khối ở vùng HC (T), lồng ngực ngấn, tăng đường kính trước – sau, thăm trực tràng thấy bóng trực tràng rỗng, ta nghĩ tới

A. Tắc ruột do phân

B. Tắc ruột do u đại trực tràng

C. Hirschsprung

D. Crohn

21. BN nữ, 2 ngày tuổi, nôn ói ít sau bú sữa, không đi tiêu sau sinh, khám thấy bụng trướng, khối ở vùng hạ vị, thở nhanh, thăm trực tràng thấy bóng trực tràng rỗng, không thấy dấu tháo cống, ta nghĩ tới

A. Tắc ruột do phân

B. Tắc ruột do u đại trực tràng

C. Hirschsprung

D. A, C đúng

22. Ở bệnh Hirschsprung, Xquang bụng không sửa soạn cho hình ảnh

A. Các quai ruột dẫn hơi rõ ở sigma, đại tràng trái và đại tràng ngang

B. Vắng hơi trong khung chậu và bóng trực tràng

C. Có sự chênh lệch khẩu kính giữa đoạn ruột bệnh lí và đoạn lành

D. A, B đúng

E. A, B, C đúng

23. Đoạn chuyển tiếp hình phễu sẽ thấy rõ trên

A. Phim Xquang bụng không sửa soạn

B. Phim Xquang đại tràng cản quang

C. A, B đúng

D. Chỉ B đúng

24. Điều nào sau đây là SAI khi nói về chỉ số RSI:

A. Sử dụng trong trường hợp không thấy rõ đoạn chuyển tiếp

B. Là tỷ số khi lấy đường kính lớn nhất của đại tràng chậu hông chia cho đường kính lớn nhất của trực tràng

C. Xem là bệnh khi  $RSI < 1$

25. Trên phim Xquang đại tràng cản quang bệnh Hirschsprung, ta thấy hình ảnh:

A. 3 đoạn: đoạn vô hạch cứng, bờ nhẵn, vùng chuyển tiếp dạng phễu, đoạn dẫn, ú phân

B. Đại tràng đồng dạng, khẩu kính bình thường, ruột non dẫn, có nhiều mức nước hơi

C. Đại tràng co thắt, niêm mạc phù nề, đoạn chuyển tiếp không rõ

D. A, C đúng

E. A, B, C đúng

26. Điều nào sau đây là SAI khi nói về phương pháp đo áp lực hậu môn trực tràng:

A. Tiến hành dựa trên phản xạ ức chế hậu môn – trực tràng

B. Trương lực không hề thay đổi khi áp lực trong bóng trực tràng tăng

C. Có thể gây dương tính giả khi thực hiện ở trẻ sanh non hay trẻ < 15 ngày

D. Cơ thắt trong không co lại được

27. Điều nào sau đây đúng khi nói về phản xạ hậu môn – trực tràng:

A. Là thành phần quan trọng trong cơ chế giữ và bài xuất phân

B. Khi bóng trực tràng căng, cơ thắt trong sẽ dẫn thoáng qua

C. Hoạt động thần kinh của phản xạ này do đám rối hạch thần kinh thành trực tràng chi phối

D. A, B đúng

E. A, B, C đúng

28. Điều nào sau đây là SAI:

A. Trong mọi trường hợp, sinh thiết là bằng chứng quan trọng nhất để kết luận bệnh Hirschsprung

B. Ta có thể sinh thiết ruột bằng nhiều phương pháp: qua ngả hậu môn, qua ngả bụng, hút trực tràng

C. Khi định lượng men acetylcholine từ thành ruột của BN Hirschsprung, ta thấy có sự tăng bất thường

D. Độ tin cậy của phương pháp đo áp lực hậu môn – trực tràng là 85 – 95%

29. Điều nào sau đây là SAI khi nói về thể vô hạch toàn bộ đại tràng

A. LS biểu hiện ngay sau sanh, có dấu tháo cống và nguy cơ viêm ruột cao (30 – 40%)

B. Xquang thấy không có sự thay đổi khẩu kính đại tràng, tuy nhiên không thấy ngấn đại tràng

C. Đại tràng hình dấu hỏi, dẫn hơi ruột non

D. Xquang sau cản quang 24 h thấy có ứ đọng ở hồi tràng

30. Thể lâm sàng vô hạch cực ngắn

A. Khi đoạn vô hạch khoảng 2-4cm

B. Khi đoạn vô hạch khu trú ở ½ dưới trực tràng

C. Khi đoạn vô hạch từ đường lược đến đốt sống cùng 2

D. A, B đúng

E. A, B, C đúng

31. Các yếu tố trong chẩn đoán Hirschsprung thể vô hạch đoạn cực ngắn:

A. Táo bón mạn tính

B. Xquang thường không phát hiện bất thường

C. Tăng phản xạ hậu môn – trực tràng

D. Yếu tố quan trọng là không có sợi TK tiết nitric oxide và tăng acetylcholine

E. A, D đúng

F. A, B, C, D đúng

32. Bệnh nhi 2 ngày tuổi đến trong bệnh cảnh tắc ruột, ta cần nghĩ đến:

A. CTSN do tai biến sản khoa

B. Hirschsprung

C. Nhược giáp hay phó giáp

D. Cường thượng thận

E. A, B đúng

F. A, B, C, D đúng

33. Khi chẩn đoán Hirschsprung, ta cần cần trng với các khả năng khác là:

- A. Tắc ruột phân su
- B. Teo ruột non
- C. Teo đại tràng
- D. A, B, C đúng

34. Trong các biến chứng của Hirschsprung, biến chứng đáng sợ nhất là:

- A. Rối loạn điện giải
- B. Viêm ruột
- C. Thủng ruột
- D. A, B, C đúng

35. Nguyên nhân chính khiến bệnh Hirschsprung trở nên trầm trọng và tử vong là:

- A. Nôn ói
- B. Tiêu chảy
- C. Viêm ruột
- D. A, B, C đúng

36. Các trường hợp Hirschsprung thường gặp biến chứng viêm ruột có đặc điểm là:

- A. Tuổi < 3 tháng
- B. Đoạn vô hạch dài
- C. Thiếu hệ thống miễn dịch
- D. A, B, C đúng

37. Lâm sàng viêm ruột của bệnh Hirschsprung là:

- A. Trướng bụng
- B. Tiêu chảy mạn
- C. Sốt
- D. A, C đúng
- E. A, B, C đúng

38. Viêm ruột được chia thành bao nhiêu mức độ:

- A. 2: thủng và chưa thủng
- B. 3: nhẹ, TB, nặng
- C. 2 có biến chứng và chưa có biến chứng
- D. 3: nhẹ, nặng, nhiễm trùng huyết

39. TC giúp phân biệt các mức độ của biến chứng viêm ruột trong Hirschsprung là:

- A. Tiêu chảy
- B. Nôn ói
- C. Chướng bụng
- D. Triệu chứng toàn thân

39. Triệu chứng của viêm ruột mức độ nhẹ chọn câu SAI:

- A. Tiêu chảy nhẹ
- B. Trướng bụng nhẹ
- C. Sốt nhẹ
- D. Trướng bụng TB

40. Triệu chứng nào sau đây là của viêm ruột mức độ TB

- A. Trướng bụng TB
- B. Tiêu chảy trung bình
- C. Triệu chứng toàn thân nhẹ
- D. A, B, C đúng

41. Triệu chứng nào sau đây không phải của viêm ruột mức độ nặng:
- A. Tiêu chảy nặng
  - B. Trướng bụng đáng kể
  - C. Sốc, dọa sốc
  - D. Triệu chứng đường tiết niệu.
42. Điều nào sau đây không đúng trong tiến triển viêm ruột ở bệnh Hirschsprung
- A. Loét ống tiêu hóa ở đoạn ruột vô hạch (Đ)
  - B. Loét ống tiêu hóa ở đoạn ruột có hạch (Đ)
  - C. Nguy cơ thủng nếu không điều trị ổ loét (Đ)
  - D. A, B sai
43. Điều nào sau đây là SAI khi nói về sinh lý bệnh của biến chứng viêm ruột trên bệnh nhân Hirschsprung
- A. Đoạn ruột tổn thương không có nhu động và luôn trong tình trạng co thắt => ứ phân ở đoạn ruột trên đoạn tổn thương
  - B. Sự ứ đọng phân khiến vi khuẩn tăng sinh quá mức
  - C. Sự suy giảm cơ chế đề kháng: chất nhầy mucin và IgG hiện diện trong ruột
  - D. VK tăng sinh + suy giảm cơ chế đề kháng => xâm nhập thành ruột
44. Ta thấy có sự gia tăng tần suất viêm ruột trên bệnh nhân Hirschsprung có kèm HC Down là do:
- A. Đoạn ruột vô hạch dài
  - B. Phổ vi khuẩn đường ruột khác biệt
  - C. Khiếm khuyết hệ thống miễn dịch
  - D. A, C đúng
45. Biến chứng thủng của bệnh Hirschsprung thường
- A. Xảy ra ở trẻ < 3 tháng tuổi
  - B. Vị trí thủng thường gặp là đoạn vô hạch, trực tràng, đại tràng sigma
  - C. Tỷ lệ tử vong cao 20 – 60%
  - D. A, B, C đúng
46. Nguyên nhân thúc đẩy biến chứng thủng ống tiêu hóa trong bệnh Hirschsprung:
- A. Viêm ruột, loét ống tiêu hóa
  - B. Tăng áp lực trong lòng ruột
  - C. Do thủ thuật can thiệp
  - D. A, B, C đúng
47. Trên BN Hirschsprung, hình ảnh Xquang gợi ý biến chứng thủng là:
- A. Tràn khí phúc mạc
  - B. Dẫn các quai ruột, mức khí dịch
  - C. Không có khí vùng tiểu khung và trực tràng
  - D. A, B, C đúng
48. BN 2 tháng tuổi, nhập viện với bệnh cảnh chướng bụng, nôn mật, có cảm ứng phúc mạc, khi phẫu thuật mở bụng thám sát, hình ảnh nào sau đây gợi ý cho ta bệnh Hirschsprung
- A. Tất cả quai ruột đều giãn, không có nhu động
  - B. Giãn 1 đoạn ruột bên trên 1 đoạn ruột không giãn
  - C. Có nhiều đoạn giãn và không giãn xen kẽ nhau
  - D. Giãn 1 đoạn ruột bên trên 1 đoạn ruột không giãn mà không có nguyên nhân thực thể
49. Điều nào sau đây là đúng trong điều trị bệnh Hirschsprung
- A. Chỉ định điều trị triệt để đặt ra khi có chẩn đoán cho trẻ  $\geq 6$  tháng
  - B. Nguyên tắc là cắt bỏ đoạn hẹp vô hạch, giảm áp và bảo toàn cơ thắt trong, tránh thương tổn TK niệu

dục

C. Phương pháp điều trị điều dưỡng và hậu môn tạm là 2 phương pháp điều trị tạm thời

D. B, C đúng

50. Trong phương pháp điều dưỡng, chọn câu SAI

A. Thụt tháo 1 lần / ngày với nước muối đẳng trương ấm pha dầu

B. Thông trực tràng thường dùng là cỡ 16 hay 18F

C. Chế độ ăn giàu dinh dưỡng và nhuận trường

D. Huấn luyện người nhà để thực hiện tại nhà, kết hợp với tái khám hằng tháng để đánh giá hiệu quả điều trị

51. Trường hợp nào sau đây ta sẽ điều trị tạm thời bằng phương pháp hậu môn tạm:

A. Lâm sàng tắc ruột rõ + thể vô hạch dài

B. Khi đã có biến chứng: viêm ruột, nhiễm trùng huyết, thủng

C. A, B đúng

D. Chỉ A đúng

52. Để chuẩn bị bệnh nhân trước mổ, các công việc cần tiến hành, TRỪ:

A. 3 – 5 ngày trước mổ, thụt tháo mỗi ngày

B. 3 – 5 ngày trước mổ, ăn chế độ ít bã

C. Kháng sinh cefotaxim 100mg/kg/ngày, 1 ngày trước phẫu thuật

D. A, C đúng

53. Phương pháp điều trị triệt để bệnh Hirschsprung là

A. Xạ trị

B. Phẫu thuật

C. Công nghệ SHPT

D. B, C đúng

54. Phương pháp phẫu thuật nào sau đây không dùng để điều trị bệnh Hirschsprung

A. SWENSON

B. DUHAMEL

C. SOA-BULEY

D. Hạ đại tràng qua ngả hậu môn

55. Phương pháp phẫu thuật đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới để điều trị Hirschsprung

A. SWENSON

B. DUHAMEL

C. SOAVE-BOLEY

D. Hạ đại tràng qua ngả hậu môn

56. Phương pháp phẫu thuật nào sau đây là đúng với trường hợp đoạn vô hạch không vượt quá đại tràng sigma

A. Phẫu thuật hạ đại tràng qua ngả hậu môn đơn thuần

B. Phẫu thuật hạ đại tràng qua ngả hậu môn kết hợp triệt mạch đoạn đại tràng vô hạch phía trên đại tràng sigma

C. Phẫu thuật SWENSON

D. Phẫu thuật DUHAMEL

57. Phương pháp phẫu thuật nào sau đây là đúng với trường hợp đoạn vô hạch dài

A. Phẫu thuật hạ đại tràng qua ngả hậu môn đơn thuần

B. Phẫu thuật hạ đại tràng qua ngả hậu môn kết hợp triệt mạch đoạn đại tràng vô hạch phía trên đại tràng sigma

C. Phẫu thuật SWENSON

D. Phẫu thuật DUHAMEL

58. Phương pháp phẫu thuật nào sau đây là đúng với trường hợp vô hạch toàn bộ đại tràng

A. Phẫu thuật hạ đại tràng qua ngã hậu môn đơn thuần

B. Phẫu thuật hạ đại tràng qua ngã hậu môn kết hợp triệt mạch đoạn đại tràng vô hạch phía trên đại tràng sigma

C. Phẫu thuật SWENSON

D. Phẫu thuật DUHAMEL

59. Trường hợp nào sau đây ta sẽ hoãn phẫu thuật điều trị triệt để đến khi trẻ  $\geq 6$  tháng tuổi (6kg)

A. Tất cả các trường hợp

B. Đoạn vô hạch dài

C. Vô hạch toàn bộ đại tràng

D. B, C đúng

60. Túi chứa chữ J làm bằng đoạn cuối hồi tràng được đề ra trong trường hợp nào

A. Tất cả các trường hợp

B. Đoạn vô hạch dài

C. Vô hạch toàn bộ đại tràng

D. B, C đúng

[Pretest]

1. Cận lâm sàng sau đây dùng để chẩn đoán bệnh Hirschsprung, chọn 01 câu đúng:

a. X-quang bụng không sửa soạn thấy khung đại tràng dẫn, ứ hơi

b. X-quang đại tràng cản quang thấy hình ảnh một đoạn hẹp ở trực tràng, bên trên đại tràng dẫn to.

c. Giải phẫu bệnh không có tế bào hạch thần kinh giữa hai lớp cơ ruột.

d. Câu b và c

e. Cả ba câu a,b,c

2. Điều trị phù hợp đối với bệnh Hirschsprung, chọn 01 câu đúng:

a. Phải mổ ngay khi có chẩn đoán

b. Có thể điều trị hỗ trợ trước, gồm thụt tháo và nong hậu môn

c. Điều trị viêm ruột nếu có

d. Câu a và b

e. Câu b và c

3. Hình ảnh X-quang đại tràng cản quang của bệnh Hirschsprung, chọn 01 câu đúng:

a. Có đoạn chuyển tiếp theo sau đoạn hẹp và phía trên là đoạn dẫn

b. Khẩu kính của trực tràng nhỏ hơn đại tràng sigma

c. Đại tràng chậm thải thuốc cản quang sau 24 giờ

d. Câu a và b

e. Câu a, b, c

4. Bệnh Hirschsprung có thể gây ra các biến chứng sau, ngoại trừ:

a. Viêm dạ dày - ruột non

b. Viêm ruột non - đại tràng

c. Nhiễm trùng huyết

d. Thủng ruột

e. Suy dinh dưỡng

5. Dấu hiệu thực thể nào gợi ý bệnh Hirschsprung, chọn câu đúng nhất:



- a. Tiêu phân su vào giờ thứ 48 sau sanh
- b. Dấu tháo cổng
- c. Hậu môn trực tràng không hẹp
- d. Câu a và b
- e. Câu b và c

[Y17 – đợt 1]

6 Bé trai, 4 tuần tuổi đến khám vì tiêu khó từ sau sinh, 2 – 3 ngày/lần, không nôn. Khám thực thể ghi nhận bụng mềm, trướng nhiều, không có phân trong lòng trực tràng. Bệnh nhi được chụp X-quang đại tràng (hình). Cần làm gì tiếp theo trong trường hợp này?



- a. Sinh thiết hút trực tràng
- b. Chụp lại X-quang đại tràng
- c. Sinh thiết Swenson
- d. Đo áp lực hậu môn trực tràng

7 Bé trai, 14 tháng tuổi, sau sinh 3 ngày em không đi tiêu phân su, trướng bụng được hướng dẫn ngưng hậu môn và thụt tháo với 50ml NaCl 0,9% qua thông trực tràng 16Fr, sau thụt tháo em tự đi tiêu được 1-2 ngày/lần. Cách nhập viện 2 ngày em đi tiêu 4 lần/ngày, lượng ít-vừa, phân xám-lông-hôi; bụng trướng dần; ói 2 lần ra sữa và dịch vàng, lượng ít-vừa, không lẫn máu; kèm sốt 1-2 lần/ngày. Khám: bụng trướng nhiều; đặt thông trực tràng không ra gì. Cận lâm sàng nào sau đây cần được thực hiện ngay trong trường hợp này?

- ☐ a. X-quang bụng không sửa soạn
- ☐ b. X-quang đại tràng cản quang
- ☐ c. Đo áp lực hậu môn-trực tràng
- ☐ d. Sinh thiết hút trực tràng

8 Dấu hiệu nào KHÔNG thấy được trên X-quang bụng không sửa soạn?

- a. Mức nước-hơi nếu trướng đã lâu
- b. Các quai ruột dẫn
- c. Chỉ số trực tràng - đại tràng  $\sigma < 1$
- d. Vắng hơi khung chậu

9 Thương tổn đại thể của bệnh Hirschsprung từ dưới lên gồm những phần nào?

- ☐ a. Đoạn hẹp, đoạn chuyển tiếp và đoạn bình thường
- ☐ b. Đoạn bình thường, đoạn chuyển tiếp và đoạn dẫn to
- ☐ c. Đoạn hẹp, đoạn chuyển tiếp và đoạn dẫn to
- ☐ d. Đoạn bình thường, đoạn chuyển tiếp và đoạn hẹp

10 Bệnh nhi nam, 9 tháng tuổi, sau sinh thường xuyên chướng bụng, không sốt, không ói, không tự đi tiêu được, phải thụt tháo và nong hậu môn. Tiền căn: tiêu phân su sau sinh > 24 giờ. Bệnh nhi được chụp X-quang đại tràng (hình). Hình ảnh đoạn chuyển tiếp nằm ở vị trí nào?



- a. Đại tràng xích-ma
- b. Đại tràng xuống
- c. Đại tràng ngang
- d. Trực tràng

[NGOẠI NHI ĐỢT XII (2020-2021)]

21. Biểu chứng muộn của mô hirschsprung

- a. Viêm ruột
- b. áp xe
- c. xì chỗ nối

22. Cho case Ls + ảnh x quang đại tràng, bé tiêu phân su >24h, bụng trướng, quấy khóc, cần làm gì tiếp theo?



a. Đo áp lực hậu môn trực tràng

b. Sinh thiết trực tràng

c. Đặt hậu môn tạm

23. Dấu hiệu nào sau đây quan trọng nhất của hirschsprung

a. Dấu tháo cống

24. Dấu hiệu nào sau đây là thể hiện viêm ruột non trong bệnh hirschsprung?

a. Tiêu chảy

b. dấu tháo cống

25. Đặc điểm đoạn ruột từ dưới lên của hirschsprung

a. Đoạn hẹp- đoạn chuyển tiếp- đoạn phình giãn

b. Đoạn hẹp- đoạn chuyển tiếp- đoạn bình thường

[0. NGOẠI NHI Y16]

5. Biến chứng muộn sau phẫu thuật Hirschsprung?

A. Xì miệng nổi

B. Áp xe vật thanh cơ

C. Viêm ruột

D. Rối loạn đi tiểu

21. Cho case lâm sàng bé 9 tháng chậm tiêu phân su, bình thường đi tiêu 1-2 lần/ngày, đến khám vì khóc, khám thấy bụng trướng, cho hình Xquang đại tràng cản quang như sau, hỏi bước tiếp theo cần làm gì?

A. Sinh thiết hút trực tràng

B. Đặt hậu môn tạm

C. Đo áp lực hậu môn trực tràng

23. Dấu hiệu thực thể quan trọng nhất của Hirschsprung?

A. Dấu tháo cống.

B. Tiêu phân su chậm

C. Đau bụng

D. Hậu môn trực tràng không hẹp

## LỒNG RUỘT

1. Ca mổ tháo lồng đầu tiên diễn ra thành công vào năm A.

1674

B. 1871

C. 1876

D. 1927

2. Phương pháp thắt tháo bằng cản quang để chẩn đoán và điều trị lồng ruột xuất hiện trên thế giới vào năm nào

A. 1674

B. 1871

C. 1876

D. 1927

3. Lồng ruột là gì

A. Là trạng thái bệnh lý tạo nên do 1 đoạn ruột chui 2 đầu vào lòng 2 đoạn ruột kế cận

B. Là trạng thái bệnh lý tạo nên do 1 đoạn ruột chui vào lòng 1 đoạn ruột khác

C. Là trạng thái bệnh lý tạo nên do 1 đoạn ruột chui vào lòng 1 đoạn ruột kế cận

D. Là trạng thái bệnh lý tạo nên do 1 đoạn ruột non chui vào lòng 1 đoạn ruột già

4. Cơ chế tắc ruột trong lồng ruột là

- A. Bít nút
- B. Thắt nghẽn
- C. Thiếu máu và hoại tử => liệt ruột
- D. A, B đúng

5. Điều nào sau đây là SAI khi nói về lồng ruột

- A. Là cấp cứu bụng ngoại khoa thường gặp
- B. Có thể xảy ra ở bất kỳ thời điểm nào, kể cả giai đoạn bào thai
- C. Tỷ lệ nam:nữ là 1:2
- D. Tần suất mắc là 2 – 4/1000

6. Nhận định nào sau đây là đúng

- A. Lồng ruột là 1 trong những nguyên nhân teo ruột non
- B. Lồng ruột ở trẻ > 1 tuổi thường có nguyên nhân thực thể
- C. 70% lồng ruột xảy ra ở trẻ < 24 tháng
- D. Đỉnh tuổi của lồng ruột là 5 – 10 tháng tuổi
- E. Tất cả đều đúng

7. Yếu tố nguy cơ của lồng ruột, chọn câu SAI

- A. Viêm ruột
- B. Viêm phổi
- C. Trẻ suy dinh dưỡng
- D. Viêm phế quản
- E. B, D

8. Nguyên nhân lồng ruột ở trẻ nhũ nhi là

- A. Rối loạn nhu động ruột
- B. Nguyên nhân thực thể tại ruột
- C. Bệnh lý toàn thân
- D. B, C đúng

9. Nguyên nhân lồng ruột ở trẻ > 2 tuổi là

- A. Rối loạn nhu động ruột
- B. Nguyên nhân thực thể tại ruột
- C. Bệnh lý toàn thân
- D. B, C đúng

10. Theo các giả thuyết, nhiễm loại siêu vi nào sau đây có sự liên kết đáng kể với lồng ruột

- A. Rotavirus
- B. Adenovirus
- C. Novovirus
- D. A, B, C đúng

11. Trong các giả thiết gây rối loạn nhu động ruột, điều nào sau đây là SAI

- A. Phi đại mảng Peyer và hạch mạc treo gây cản trở nhu động ruột
- B. Tình trạng nhiễm siêu vi, đặc biệt là Rotavirus có liên quan ý nghĩa đến lồng ruột
- C. Nhiễm siêu vi làm tăng nhu động ruột khiến tăng khả năng lồng ruột

12. Bệnh lý nào sau đây là nguyên nhân thực thể gây lồng ruột

- A. Các cấu trúc bẩm sinh: túi thừa Meckel, ruột đôi
- B. Polyp, u, lymphoma

C. Bệnh tự miễn: Henoch-Scholein, viêm quầng niêm dịch

D. Tất cả đều đúng

13. Các can thiệp trong y tế như phẫu thuật, hóa trị cũng có khả năng gây lồng ruột

A. Đúng

B. Sai

14. Điều nào sau đây là SAI với 1 khối lồng đơn giản

A. Có 5 ống vỏ

B. Có 2 túi cùng

C. Có 1 đầu lồng

D. Có 1 cổ lồng

15. Cách gọi khối lồng ruột nào sau đây là đúng

A. Đoạn ruột chứa lồng – đoạn ruột trung gian (nếu có) – đoạn ruột bị lồng

B. Đoạn ruột bị lồng – đoạn ruột trung gian (nếu có) – đoạn ruột chứa lồng

C. Đoạn ruột chứa lồng – đoạn ruột bị lồng

D. Đoạn ruột bị lồng – đoạn ruột chứa lồng

16. Thể thường gặp của lồng ruột là

A. Lồng hồi – manh tràng, lồng hồi – đại tràng

B. Lồng hồi – manh – đại tràng

C. Lồng hồi – hồi tràng, lồng đại – đại tràng

D. B, C đúng

17. Lồng hồi – hồi tràng, lồng đại – đại tràng là thể ít gặp trong

A. Lồng thứ phát

B. Lồng tự phát

C. Lồng có nguyên nhân tổn thương thực thể tại ruột

D. A, C đúng

18. Điều nào sau đây là đúng về lồng hồi – manh – đại tràng

A. Khối lồng thường là đơn giản

B. Chẩn đoán khi có bằng chứng ruột thừa đi vào khối lồng

C. Có thể gặp ở cả lồng tự phát hay lồng thứ phát

D. A, C đúng

E. B, C đúng

F. A, B, C đúng

19. Cơ chế thắt nghẽn xảy ra ở vị trí nào của khối lồng

A. Đầu lồng

B. Túi cùng

C. Cổ lồng

D. B, C đúng

20. Khi có triệu chứng tiêu máu trên BN lồng ruột, ta nghĩ

A. Đoạn ruột lồng bị nhồi máu

B. Đoạn ruột lồng bị hoại tử

C. Đoạn ruột lồng bị tổn thương niêm mạc

D. Thủng ruột

21. Tam chứng kinh điển của lồng ruột là

A. Đau, nôn, trướng

- B. Đau, bí, trướng
- C. Đau, nôn, tiêu lỏng
- D. Tất cả đều sai

22. Đặc điểm đau do lồng ruột

- A. Khởi phát đột ngột
- B. Đau từng cơn, khoảng 5 – 10 phút
- C. Cường độ dữ dội, khiến bé tái nhợt, vã mồ hôi
- D. A, B, C đúng

23. BN nam, 7 tháng tuổi, nhập viện vì đau bụng đột ngột, tiêu máu, kèm bỏ bú, khám thấy 1 khối hình bầu dục, chắc, di động, ấn đau, thăm trực tràng thấy có máu đỏ bầm theo găng, chẩn đoán sơ bộ:

- A. Túi thừa Meckel kèm loạn soạn niêm mạc dạ dày
- B. Tắc ruột do u
- C. Lồng ruột
- D. B, C đúng

24. BN nữ, 2 tháng tuổi, bệnh 2 ngày, bé quấy khóc nhiều, sáng nhập viện tiêu phân sệt lẫn máu 2 lần, khám bụng thấy có ấn đau vùng rốn, thăm trực tràng thấy có máu đỏ tươi theo găng, chẩn đoán sơ bộ

- A. Túi thừa Meckel kèm loạn soạn niêm mạc dạ dày
- B. Tắc ruột do u
- C. Lồng ruột
- D. B, C đúng

25. BN nam, 5 tháng tuổi, nhập viện vì đau bụng cơn quanh rốn 3 ngày, sáng nhập viện, BN sốt cao 39°C, tiêu chảy nhầy máu 3 – 5 lần, khám thấy ấn đau khắp bụng, thăm trực tràng thấy có phân vàng nhầy không lẫn máu, chẩn đoán sơ bộ

- A. Lồng ruột
- B. HC ly
- C. Viêm ruột thừa
- D. A, B đúng
- E. A, B, C đúng

26. BN nữ, 5 tuổi, nhập viện vì nổi ban xuất huyết ở 2 chân, ban xuất huyết dạng mảng, phân bố theo trọng lực, ngoài ra chưa ghi nhận gì lạ, 2 ngày sau nhập viện, BN đột ngột đau bụng, đau bụng cơn quanh rốn, sốt 38,5°C, sinh hiệu ổn, kèm tiêu phân nhầy máu 1 lần, khám thấy ấn đau vùng rốn, thăm trực tràng không thấy có máu, nguyên nhân tiêu máu ở BN này là:

- A. Xuất huyết tiêu hóa
- B. Lồng ruột
- C. Nhiễm trùng đường tiêu hóa
- D. A, B đúng

27. Lồng ruột trên BN viêm quánh niêm dịch thường gặp ở độ tuổi

- A. >2 tuổi
- B. >3 tuổi
- C. >4 tuổi
- D. >5 tuổi

28. Điều nào sau đây là SAI khi nói về lồng ruột do hóa trị

- A. Thường gặp ở những BN dùng thuốc Methotrexate
- B. Cơ chế là do Methotrexate gây rối loạn nhu động ruột và dày thành ruột, tăng nguy cơ lồng ruột

C. Lòng hồi – manh tràng thường gặp nhất trong trường hợp này

D. Lòng hồi – hồi tràng là loại thường gặp trong trường hợp này

29. Điều nào sau đây là đúng khi nói về lòng ruột sau mổ

A. Loại phẫu thuật làm thay đổi liên quan cấu trúc giải phẫu ổ bụng hay liên quan vùng bụng mới gây lòng ruột

B. Đặc biệt chỉ xảy ra ở trẻ em

C. Cơ chế do ít vận động sau mổ khiến rối loạn nhu động ruột

D. A, B, C đúng

30. Bệnh cảnh thường gặp trong lòng ruột sau mổ là

A. Liệt ruột kéo dài sau mổ

B. Liệt ruột xuất hiện lại sau giai đoạn có nhu động ruột.

C. Nhiễm trùng.

D. A, B đúng

E. B, C đúng

31. Điều nào sau đây là SAI

A. Hình ảnh đặc hiệu của lòng ruột trên phim Xquang đại tràng cản quang là hình còng cua, cắt cụt đại tràng

B. Phương tiện chẩn đoán lòng ruột phổ biến hiện nay là siêu âm

C. Xquang là phương tiện chẩn đoán hình ảnh có giá trị trong chẩn đoán lòng ruột

D. Các hình ảnh gợi ý lòng ruột có biến chứng: dẫn quai ruột, mức khí dịch, tràn khí phúc mạc

32. Các hình ảnh trên BN lòng ruột có thể thấy trong Xquang bụng không sửa soạn, ngoại TRỪ

A. Vắng hơi trong đại tràng

B. Khối mờ

C. Tràn khí phúc mạc

**D. Tất cả các quai ruột đều giãn, có hơi trong trực tràng**

33. Chẩn đoán định của Xquang đại tràng cản quang là:

A. Đau bụng dữ dội, co cứng thành bụng

B. Tiêu máu ở ạt, ảnh hưởng sinh hiệu

C. Xquang có tràn khí phúc mạc

D. B, C đúng

E. A, B, C đúng

34. Đặc điểm của khối lòng trên siêu âm là

A. Hình ảnh cắt dọc cho hình cocard

B. Trung tâm tăng âm, ngoại vi giảm âm

C. Hình ảnh cắt ngang cho hình sandwich

D. Hình ảnh cắt ngang cho hình ảnh giả thận

35. Trên siêu âm, điều nào sau đây gợi ý khả năng tháo lòng thấp

A. Hình ảnh cắt ngang khối lòng có hình cocard

B. Tưới máu khối lòng giảm, có dịch ổ bụng

C. Độ dày vòng giảm âm  $> 8 - 10$  mm

D. Nguyên nhân lòng ruột là ruột đôi

36. Phương tiện hỗ trợ phương pháp tháo lòng bằng áp lực nước là

A. Xquang

B. Nội soi đại tràng

C. Siêu âm



D. A, C đúng

37. Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định lồng ruột nào sau đây là SAI:

- A. HC tắc ruột + tiêu máu
- B. HC tắc ruột + khối vùng bụng
- C. HC tắc ruột + tiêu chuẩn Xquang
- D. HC tắc ruột + tiêu chuẩn siêu âm

38. BN nam, 7 tháng tuổi, sốt  $39^{\circ}\text{C}$  3 ngày, tiêu nhầy máu, không nôn, chơi bình thường, khám ấn đau nhẹ vùng quanh rốn, không sờ thấy khối lồng, thăm trực tràng thấy phân vàng sệt, không máu, chẩn đoán sơ bộ:

- A. Lồng ruột
- B. Viêm dạ dày ruột
- C. HC ly
- D. A, B đúng

39. BN nữ, 3 tuổi, nhập viện vì đau bụng, nôn ói, khám thấy bụng trướng, khối lớn nhõn vùng rốn, mềm, di động, thăm trực tràng chưa phát hiện gì, chẩn đoán sơ bộ:

- A. Lồng ruột
- B. Viêm dạ dày ruột
- C. Tắc ruột do dị vật
- D. A, C đúng

40. BN nam, 7 tháng, nhập viện vì nôn ói nhiều, tiêu nhầy máu, bệnh 6 ngày, khám thấy sốt, mạch nhanh, huyết áp kẹt, khối lồng ở HC (P), xử trí nào sau đây là phù hợp ở BN này:

- A. Đặt thông mũi dạ dày, truyền dịch, hạ sốt, tháo lồng không mổ
- B. Chống sốc, thông mũi dạ dày, bồi hoàn nước điện giải, tháo lồng mổ
- C. Kháng sinh, hạ sốt, xét nghiệm tiền phẫu
- D. A, C đúng
- E. B, C đúng

41. BN nữ 4 tháng tuổi, bệnh 3 ngày có nôn ói, quấy khóc từng cơn, tiêu chảy, khám BS tư chẩn đoán nhiễm trùng tiêu hóa cho toa kháng sinh về nhà uống, sáng ngày nhập viện thấy bé tiêu máu, thờ mệt, sốt  $39,5^{\circ}\text{C}$ , nên đưa đến khám tại BV NĐ, khám thấy bé li bì, bụng cứng, siêu âm thấy khối lồng, thái độ xử trí ở BN này:

- A. Hồi sức, chống sốc, bù nước điện giải, khi ổn chuyển mổ
- B. Thay đổi kháng sinh, cấy phân làm kháng sinh đồ
- C. Điều trị hỗ trợ + tháo lồng không mổ khẩn
- D. Tất cả đều sai

42. BN nam, 8 tháng tuổi, bệnh 2 ngày, nôn ói, tiêu máu, siêu âm thấy khối lồng phản âm không đều kèm dịch ổ bụng, nghĩ có hoại tử khối lồng, thái độ xử trí:

- A. Kháng sinh, xét nghiệm tiền phẫu, mổ tháo lồng
- B. Kháng sinh, Xquang đại tràng cản quang để tháo lồng, nếu thất bại thì mổ tháo lồng
- C. Kháng sinh, tháo lồng bằng áp lực nước dưới hướng dẫn của siêu âm, thất bại thì mổ tháo lồng
- D. Đánh giá tổng trạng bệnh nhân rồi mới quyết định

43. Chống chỉ định của tháo lồng không mổ, chọn câu SAI:

- A. Tổng trạng xấu, sốc
- B. Hoại tử khối lồng
- C. Viêm phúc mạc
- D. Nôn ói và tiêu máu nhiều

44. Dấu hiệu nào sau đây không là dấu hiệu tháo lỏng thành công:
- A. Không sờ thấy u lồng mà trước đó sờ thấy, lâm sàng cải thiện
  - B. Bụng xẹp
  - C. Xét nghiệm hình ảnh học không còn ghi nhận lồng ruột
  - D. Hiện tượng tháo phân và hơi qua thông trực tràng
45. Chỉ định của mổ tháo lồng:
- A. Khi có chống chỉ định của tháo lồng không mổ
  - B. Tháo lồng không mổ thất bại
  - C. Lồng ruột có nguyên nhân thực thể
  - D. A, B, C đúng
46. Lồng ruột có nguyên nhân thực thể và lồng ruột thứ phát là giống nhau
- A. Đúng
  - B. Sai

[Pretest]

1. Triệu chứng lâm sàng nào sau đây KHÔNG gặp trong lồng ruột cấp ở nhũ nhi, chọn câu đúng nhất:
  - a. Khóc thét từng cơn
  - b. Ói
  - c. Háu bú
  - d. Sốt
  - e. Tiêu máu
2. Phương tiện chẩn đoán hình ảnh nào sau đây thường được sử dụng nhất để chẩn đoán lồng ruột:
  - a. X-quang bụng không sửa soạn
  - b. X-quang đại tràng
  - c. Siêu âm bụng
  - d. Chụp cắt lớp vi tính ổ bụng
  - e. Cộng hưởng từ ổ bụng
3. Siêu âm trong chẩn đoán lồng ruột, chọn câu SAI:
  - a. Hình bìa trên mặt cắt ngang
  - b. Hình sandwich hoặc hình giả thận trên mặt cắt dọc
  - c. Chẩn đoán được khởi điểm lồng
  - d. Xác định tình trạng tưới máu của khối lồng
  - e. Tiên đoán chính xác tình trạng hoại tử của khối lồng
4. Dấu hiệu gợi ý tháo lồng bằng hơi thành công, chọn câu SAI
  - a. Cột áp lực tăng khi tiếp tục bơm hơi
  - b. Bụng trướng đều và giữ hơi khi ngưng tháo
  - c. Triệu chứng lâm sàng cải thiện
  - d. Không còn sờ thấy u lồng
  - e. Không còn hình ảnh lồng ruột trên siêu âm
5. Chống chỉ định của tháo lồng không mổ, chọn câu SAI
  - a. Đến muộn sau 24 giờ
  - b. Sốc
  - c. Tắc ruột hoàn toàn
  - d. Viêm phúc mạc
  - e. X-quang bụng không sửa soạn có hơi tự do
6. Cận lâm sàng tốt nhất để chẩn đoán lồng ruột
  - a. Siêu âm bụng
  - b. Xquang đại tràng cản quang

- c. Chụp điện toán cắt lớp ổ bụng
- d. Chụp cộng hưởng từ đường tiêu hoá
- 7. Chỉ định phẫu thuật trong bệnh lồng ruột
  - a. Tiêu máu nhiều
  - b. Khối lồng ở ruột non
  - c. Đến trễ hơn 24h sau tiếng khóc thét đầu tiên
  - d. Bụng trướng nhiều
- 8. Cơ chế sinh lý bệnh của lồng ruột, chọn 1 câu sai
  - a. Tổn thương mao mạch gây triệu chứng xuất huyết và xuất tiết nhày
  - b. Tổn thương động mạch gây phù nề ruột
  - c. Ống vỏ giữa tổn thương đầu tiên
  - d. Hoại tử khối lồng do thiếu máu thường xảy ra sau 72h
- 9. Dấu chứng tháo lồng bằng hơi thành công là
  - a. Đồng hồ đo áp lực trên máy tháo lồng tăng lên khi tiếp tục bơm hơi
  - b. Hơi thoát ra qua thông dạ dày ít và ngắt quãng
  - c. Hơi tràn đầy vào các quai ruột non trên xquang bụng không sửa soạn
  - d. Bụng trướng nhiều ở ngoại vi
- 10. Triệu chứng thực thể thường khó tìm thấy trong lồng ruột là
  - a. Thấy máu mũi nhầy khi thăm trực tràng
  - b. U lồng
  - c. Dấu hiệu Dance
  - d. Trướng bụng

[Y17 đợt 1]

1 Bé trai, 9 tháng tuổi, cách nhập viện 36 giờ em khóc thét từng cơn, mỗi cơn kéo dài khoảng 1 – 2 phút, kèm theo em nôn ói nhiều lần, tiêu phân nhầy máu 2 lần, lượng vừa. Khám: Em tỉnh, đủ; sốt 39OC. Bụng trướng nhiều, ấn đau. Siêu âm: lồng ruột hồi-mạnh-đại tràng; các quai ruột non dẫn lớn; dịch ổ bụng lượng ít, thuần nhất. Xử trí nào sau đây KHÔNG hợp lý?

- ☐ a. Tháo lồng bằng hơi
- ☐ b. Đặt thông mũi-dạ dày
- ☐ c. Bù dịch đường tĩnh mạch
- ☐ d. Kháng sinh đường tĩnh mạch

2 Bé trai, 9 tháng tuổi, nhập viện vì khóc thét từng cơn 3 ngày, kèm nôn ói nhiều lần, sốt, tiêu nhầy máu 2 lần. Khám: em tỉnh, đủ; bụng trướng nhiều, ấn đau. Cận lâm sàng nào KHÔNG cần được thực hiện trong trường hợp này?

- ☐ a. Siêu âm bụng
- ☐ b. Điện giải đồ
- ☐ c. X-quang đại tràng
- ☐ d. X-quang bụng không sửa soạn

3 Giá trị của siêu âm trong chẩn đoán lồng ruột. Chọn câu SAI:

- ☐ a. Tiên đoán chính xác khả năng tháo lồng không mổ thành công
- ☐ b. Chẩn đoán được điểm khởi lồng
- ☐ c. Chẩn đoán được nguyên nhân lồng ruột
- ☐ d. Xác định tình trạng tưới máu của khối lồng

4 Phương pháp nào sau đây KHÔNG giúp cải thiện tỉ lệ thành công của tháo lồng không mổ?

- ☐ a. Sử dụng thuốc an thần
- ☐ b. Tháo lồng lặp lại trì hoãn
- ☐ c. Tháo lồng dưới hướng dẫn của siêu âm
- ☐ d. Nắn khối u lồng qua thành bụng

5 Bé trai, 12 tháng tuổi, nhập viện vì khóc thét từng cơn, kèm nôn ói 3 lần, ra sữa, lượng ít. Triệu chứng thực thể nào quan trọng nhất cần được ghi nhận khi thăm khám?

- a. Chướng bụng
- b. Dấu hiệu Dance
- c. Thăm khám trực tràng có máu theo găng
- d. Sờ thấy khối lồng

[NGOẠI NHI ĐỢT XII (2020-2021)]

1. Em bé vô với bệnh cảnh lồng ruột, có ấn bụng đề kháng. Hỏi điều nào sau đây không nên làm?

- a. Tháo lồng bằng hơi
- b. X quang bụng không cản quang
- c. siêu âm bụng
- d. dịch truyền

2. Em bé vô với bệnh cảnh lồng ruột, bụng ấn đau, bụng chướng, nôn ói. Hỏi cận lâm sàng không cần thiết

- a. X quang đại tràng
- b. X quang bụng không sửa soạn
- c. Siêu âm bụng

3. Điều nào sau đây không đúng với tiêu máu trong lồng ruột

- a. Tiêu phân máu sau 24h
- b. tiêu máu đỏ tươi
- c. Cơ chế do chảy máu mao mạch
- d. Cơ chế do chảy máu tĩnh mạch

4. Biểu hiện nào sau đây điển hình nhất của lồng ruột

- a. dấu hiệu dance
- b. Sờ thấy khối u lồng
- c. Thăm khám hậu môn trực tràng thấy khối lồng

d. Thăm hậu môn rút gang có máu

5. Bệnh nhân vào với bệnh cảnh lồng ruột không biến chứng. CLS đầu tay là gì?

a. Siêu âm bụng

b. X quang đại tràng có cản quang

[0. NGOẠI NHI Y16]

1. Bé trai 8 tháng tuổi có quấy khóc cơn cách 48g trước nhập viện, ói, tiêu phân nhầy máu máu, sốt, có tiêu chảy, bụng trướng, ấn bụng đề kháng hỏi điều trị nào không phù hợp

A. Tháo lồng bằng hơi

B. Kháng sinh

C. Bù dịch đường tĩnh mạch

D. Đặt sonde mũi dạ dày

2. Bé gái 2 tuổi nhập viện vì đau bụng, ói, tiêu phân nhầy máu hỏi CLS nào không có lợi cho BN là gì?

A. Siêu âm bụng

B. XQ bụng không sửa soạn

C. XQ đại tràng cản quang

D. CT bụng

6. Dấu hiệu thực thể nào có giá trị nhất trong lồng ruột:

A. Dấu dance

B. U lồng

C. Thăm HMTT thấy u lồng

D. Thăm HM thấy gang dính máu

8. Lâm sàng lồng ruột ở trẻ lớn có đặc điểm gì?

A. LS nghèo nàn chủ yếu dựa vào CLS

B. Trướng bụng, nôn ói ra dịch mật

C. Tam chứng kinh điển

## NANG ĐƯỜNG MẬT

[Pretest]

1. Tác nhân nào sau đây gây vàng da sau gan?

a. Teo đường mật

b. Viêm gan sơ sinh vô căn

c. Galactosemia

d. Toxoplasma

2. Câu nào đúng khi nói về tam chứng kinh điển của nang đường mật?

a. Hiện nay, đa số bệnh nhân được chẩn đoán khi có tam chứng kinh điển

b. Vàng da tăng dần theo thời gian, không giảm khi điều trị kháng sinh

c. U hạ sườn phải là gan căng to do ứ mật

d. Đau bụng do nang quá căng hoặc dịch tụy trào vào đường mật

3. Câu nào đúng với nang đường mật?

a. Bệnh hiếm gặp ở châu Á

b. Kênh chung mật-tụy dài là yếu tố quyết định sự hình thành nang đường mật

c. Nguy cơ ung thư đường mật tăng theo tuổi bệnh nhân nếu không điều trị.

d. Vàng da là biểu hiện rất thường gặp ở trẻ lớn

4. Chọn câu đúng nhất:

a. Cần tìm nguyên nhân vàng da khi trẻ sinh thiếu tháng vẫn còn vàng da sau 2 tuần tuổi

b. Vàng da ứ mật là khi bilirubin trực tiếp trong máu chiếm hơn 20% bilirubin toàn phần khi bilirubin toàn phần > 5mg%

c. Vàng da trước gan làm nước tiểu sậm màu, phân nhạt màu, có thể có hoặc không ngứa

- d. Bilirubin trực tiếp có thể qua hàng rào máu-não gây vàng da nhân
5. Tiêu chuẩn vàng để chẩn đoán nang đường mật là:
- a. Siêu âm bụng
  - b. Chụp cắt lớp vi tính đường mật
  - c. Cộng hưởng từ mật-tụy
  - d. Xạ hình đường mật

[Y17 – đợt 1]

21 Triệu chứng lâm sàng thường gặp nhất trong nang đường mật thể nhũ nhĩ là gì?

- ☐ a. Đau bụng
- ☐ b. Vàng da
- ☐ c. U dưới sườn phải
- ☐ d. Sốt

22 Một bé gái 4 tuổi, nhập viện vì đau bụng quanh rốn kèm vàng da toàn thân, ói 2 lần. Khi khám thấy khối vùng hạ sườn phải 3 cm, căng nhẵn, giới hạn rõ. Cận lâm sàng hình ảnh học nào cần được thực hiện tiếp theo trong trường hợp này?

- ☐ a. Chụp cắt lớp vi tính
- ☐ b. Chụp mật tụy ngược dòng qua nội soi
- ☐ c. Chụp cộng hưởng từ mật tụy
- ☐ d. Siêu âm bụng

23 Bé gái 5 tuổi, nhập viện vì đau bụng vùng hạ sườn phải, kèm nôn ói nhiều lần. Khám: bụng mềm, không trướng, ấn đau nhẹ hạ sườn phải, không đề kháng. MRCP: dẫn ống mật chủ d=20x31mm, đường mật trong gan không dẫn. Kết quả xét nghiệm cho thấy: Kết quả xét nghiệm cho thấy: WBC = 10 k/ $\mu$ l; %Neutrophil = 58%; % lymphocyte = 23%; Bilirubin trực tiếp/toàn phần = 2,89/5,15 mg%; Amylase máu = 316 U/L. Cần làm gì tiếp theo cho bệnh nhi?

- ☐ a. Nhịn, nuôi ăn tĩnh mạch
- ☐ b. Sử dụng kháng sinh phổ rộng
- ☐ c. Phẫu thuật cắt nang, nối ống gan – hỗng tràng
- ☐ d. Phẫu thuật dẫn lưu nang ra ngoài

24 Bé trai, 3 tuổi nhập viện vì đau bụng vùng hạ sườn phải. Khám: bụng mềm, không trướng, ấn đau nhẹ hạ sườn phải, không đề kháng, không sờ chạm khối bất thường vùng bụng. Bệnh nhi được chụp MRCP (như hình). Phân loại nang đường mật theo Todani trong trường hợp này là loại nào?



- ☐ a. Loại II
- ☐ b. Loại III
- ☐ c. Loại I
- ☐ d. Loại IV

25 Bé trai, 2 tháng tuổi, nhập viện vì vàng da kéo dài 4 tuần, tiểu sậm màu, tiêu phân bạc màu. Nguyên nhân gây vàng da nào ÍT được nghĩ đến nhất trong trường hợp này?

- ☐ a. Teo đường mật
- ☐ b. Viêm gan nguyên phát
- ☐ c. Tán huyết do bất đồng nhóm máu mẹ con
- ☐ d. Nang đường mật

[NGOẠI NHI ĐỢT XII (2020-2021)]

11. Bé gái 1 tuần tuổi đã được siêu âm nghi ngờ nang đường mật trong thai kỳ. Bệnh cảnh vàng da, hỏi điều nào sau đây không cần làm?

- a. Đánh giá mức độ vàng da
- b. phân biệt vàng da ngoại khoa và nội khoa
- c. MRCP

12. Bệnh nhân nang đường mật xét nghiệm thấy amylase tụy tăng. Nghĩ là viêm tụy cấp. Điều nào sau đây làm

- a. Đặt sonde nuôi ăn
- b. Nhịn ăn uống, nuôi ăn đường tĩnh mạch
- c. mổ sau 2 ngày

13. Phương pháp điều trị nang đường mật:

- a. nối ống gan chung với hồng tràng

b. Nổi ống mật chủ với hồng tràng

14. Bé vào bệnh cảnh nang đường mật. Vô đau hạ sườn, vàng da. Cơ chế nào sau đây đúng với triệu chứng của nang đường mật

a. Đau do căng túi mật và dịch tụy rò vào ống mật

b. vàng do do chít hẹp đường mật

15. Cận lâm sàng nào sau đây không cần thiết để làm trong nang ống mật?

a. TORCH

b. bilirubin

c. amylase

d. men gan

[0. NGOẠI NHI Y16]

14. Nguyên lý phẫu thuật trong nang ống mật type 1?

A. Cắt nang, nối ống gan chung với hồng tràng

B. Cắt nang, nối ống mật chủ với hồng tràng

C. Cắt nang.

15. Bé gái 1 tuổi bị vàng da , đau bụng, nôn ói, u bụng hạ sườn phải siêu âm có nang ống mật chủ, nhận định nào sau đây đúng về nguyên lý của bệnh?

A. Đau bụng do căng bao nang hoặc do dịch tụy trào ngược vào ống mật

B. Vàng da, ói do chèn ép đường mật, teo ống mật chủ.

C. Nôn ói do?

D. U bụng hạ sườn phải do tắc mật làm gan to.

16. Chung tình huống trên, CLS nào không cần thiết?

A. Billirubin

B. Men gan

C. TORCH

D. Amylase

17. Kết quả CTM BC 10K, Neu 58%, amylase 356 UI, Bili TT 2.56/5.1 mg, hỏi điều trị nào là đúng?

A. Xếp lịch mổ chương trình sau 2 ngày

B. Nhịn ăn, nuôi ăn đường tĩnh mạch

C. Mổ cấp cứu

D. Điều trị nội khoa

18. Bé 1 tuần tuổi, nhập viện vì vàng da, đau bụng, siêu âm trước khi sanh nghĩ nhiều nang ống mật chủ. Điều nào không nên làm khi tiếp nhận lần đầu?

A. Xác định mức độ vàng da

B. Xác định vàng da nội khoa hay ngoại khoa

C. MRCP